

Số: 1062/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 12 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 301/TTr-SNN ngày 05/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2025”.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên địa bàn toàn tỉnh đúng theo quy định của Luật Trồng trọt và các quy định của pháp luật hiện hành.

Tổng hợp báo cáo kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa của các huyện, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất lúa theo quy định. Theo dõi, cập nhật diện tích chuyển đổi vào kế hoạch sử dụng đất của các huyện, thị xã, thành phố. Rà soát, thống kê chi tiết các loại đất cho phù hợp với thực tế của các địa phương.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên phạm vi địa phương quản lý thực hiện trong năm 2025 theo kế hoạch này và các quy định hiện hành.

Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2025 phải đảm bảo các nguyên tắc theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Trồng trọt và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024.

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên phạm vi địa phương quản lý theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

Báo cáo kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2025 và đăng ký Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2026 về UBND tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn*) theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Q. Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, TTTT, KTN, TN;
 - + Lưu: VT, NN Thăng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thế Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH
CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI
TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 12 /12/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: ha

STT	Huyện, thị xã	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
	Tổng số	445,30	69,03	376,27	
	Trồng cây hàng năm	73,80	42,80	31,00	
	Trồng cây lâu năm	321,80		321,80	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	49,70	26,23	23,47	
	<i>Trong đó:</i>				
1	Tân Yên	63,90	8,70	55,20	
	Trồng cây hàng năm	16,40	5,30	11,10	
	Trồng cây lâu năm	41,90		41,90	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	5,60	3,40	2,20	
2	Sơn Động	31,10		31,10	
	Trồng cây hàng năm	1,30		1,30	
	Trồng cây lâu năm	29,23		29,23	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,57		0,57	
3	Yên Thế	70,00	9,00	61,00	
	Trồng cây hàng năm				
	Trồng cây lâu năm	58,00		58,00	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	12,00	9,00	3,00	
4	Lạng Giang	14,97	0,33	14,64	
	Trồng cây hàng năm				
	Trồng cây lâu năm	14,64		14,64	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,33	0,33		

5	Hiệp Hòa	71,20	11,50	59,70	
	Trồng cây hàng năm	7,60	1,00	6,60	
	Trồng cây lâu năm	45,90		45,90	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	17,70	10,50	7,20	
6	Lục Nam	108,46		108,46	
	Trồng cây hàng năm	10,00		10,00	
	Trồng cây lâu năm	91,96		91,96	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	6,50		6,50	
7	Yên Dũng	71,20	39,50	31,70	
	Trồng cây hàng năm	38,50	36,50	2,00	
	Trồng cây lâu năm	25,70		25,70	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	7,00	3,00	4,00	
8	Lục Ngạn	14,47		14,47	
	Trồng cây hàng năm				
	Trồng cây lâu năm	14,47		14,47	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				